



TRUNG TÂM TƯ VẤN
VÀ HỖ TRỢ NÔNG NGHIỆP

GIÁ CẢ NÔNG SẢN

CHỢ TAM BÌNH - THỦ ĐỨC (Ngày 24/02/2020)

STT	Tên sản phẩm	Giá cả thị trường (VNĐ/kg)
I	Rau lá, củ quả	
1	Cải thảo	12.000
2	Xà lách búp	15.000
3	Cải bắp tròn	6.000
4	Cải ngọt	9.000
5	Cải bẹ xanh	11.000
6	Rau muống nước	15.000
7	Rau muống hạt	8.000
8	Cải thìa	6.000
9	Rau quế	18.000
10	Bầu	8.000
11	Su su	3.000
12	Khoai lang bí	12.000
13	Cà chua	13.000
14	Bông cải xanh	23.000
15	Cà rốt	15.000
16	Củ cải trắng	9.000
17	Su hào	12.000
18	Đậu hà lan	55.000
19	Đậu cove trắng	15.000
20	Khoai tây hồng	23.000
21	Bí đỏ	6.000
22	Bí xanh	10.000
23	Khổ qua	11.000
24	Dưa leo	15.000
25	Đậu bắp	13.000

26	Cà tím	9.000
27	Ốt cay Batri	15.000
28	Chanh giấy	28.000
29	Tỏi	0
30	Hành lá (hành hương)	15.000
31	Ngò rí	13.000
32	Rau dền	9.000
II	Trái cây	
1	Cam sành	18.000
2	Cam xoan	33.000
3	Quýt đường	33.000
4	Quýt tiêu	30.000
5	Bưởi da xanh	28.000
6	Bưởi năm roi	28.000
7	Xoài Đài Loan	0
8	Xoài cát Hòa Lộc	75.000
9	Xoài ghép	13.000
10	Xoài cát chu	28.000
12	Dưa hấu dài đỏ	7.000
13	Dưa hấu sọc	8.000
15	Thanh Long Bình Thuận	25.000
16	Thanh Long Long An	23.000
17	Đu đủ	9.000
18	Chôm chôm thái	45.000
19	Chôm chôm nhãn	28.000
20	Mãng cầu tròn	48.000
21	Nhãn huế	15.000
22	Nhãn xùong	75.000
23	Lồng mứt	23.000